

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công
trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn Ngân sách Thành phố**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU KHÓA XII,
KỲ HỌP THỨ NĂM (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ hướng dẫn một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 81/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND Tỉnh về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của HĐND Thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 215/NQ-HĐND ngày 24/9/2021 của HĐND Thành phố về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 226/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND Thành phố về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách Thành phố;

Xét Tờ trình số 139/TTr-UBND ngày 17/4/2022 của UBND Thành phố về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách Thành phố; Báo cáo thẩm tra số 37/BC-HĐND ngày 20/4/2022 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND Thành phố và ý kiến thảo luận của đại biểu HĐND tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn Ngân sách Thành phố, cụ thể:

1. Điều chỉnh, bổ sung Điều 1 và Biểu số 01 kèm theo Nghị quyết số 214/NQ-HĐND ngày 13/8/2021, Nghị quyết số 226/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND Thành phố, cụ thể:

- Điều chỉnh giảm chi trích nộp Quỹ phát triển đất Tỉnh: 9.542 triệu đồng.
- Điều chỉnh giảm vốn phân bổ các dự án: 26.000 triệu đồng.
- Điều chỉnh tăng vốn phân bổ các dự án: 35.542 triệu đồng.

2. Điều chỉnh Biểu số 03 kèm theo Nghị quyết số 214/NQ-HĐND ngày 13/8/2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố, cụ thể:

2.1. Điều chỉnh, bổ sung vốn dự án thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn Ngân sách Thành phố:

Điều chỉnh một số nội dung thuộc dự án Cải tạo, sửa chữa Nhà dài làng Óp, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku (Có biểu số 2.1 kèm theo).

2.2. Cắt giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách Thành phố: (Có biểu số 2.2 kèm theo).

Cắt giảm Dự án phục vụ chuyển đổi cây trồng, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: 26.000 triệu đồng.

2.3. Bổ sung dự án kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 vốn ngân sách Thành phố: (Có biểu số 2.3 kèm theo).

- Bổ sung Dự án Bồi thường, hỗ trợ vùng ảnh hưởng của dự án Kè chống sạt lở suối Hội Phú: 3.159 triệu đồng.

- Bổ sung vốn chuẩn bị đầu tư: Dự án Thoát nước thải và xử lý nước thải (giai đoạn 1) thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai: 13.701 triệu đồng.

- Bổ sung Dự án Cải tạo trụ sở UBND xã Chư HDrông (cũ) làm nơi làm việc Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp thành phố Pleiku: 1.145 triệu đồng.

- Bổ sung Dự án Đầu tư hạ tầng phục vụ chuyển đổi cây trồng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại cánh đồng Ia Chanh làng Bông Phun, xã Chư Á năm 2022-2023: 5.581 triệu đồng.

- Bổ sung Dự án Đầu tư hạ tầng phục vụ chuyển đổi cây trồng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại khu vực Nam quốc lộ 19, xã An Phú năm 2022-2024: 11.430 triệu đồng.

Các nội dung khác giữ nguyên và thực hiện theo Nghị quyết số 214/NQ-HĐND ngày 13/8/2021, Nghị quyết số 215/NQ-HĐND ngày 24/9/2021 và Nghị quyết số 226/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND Thành phố.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Giao UBND Thành phố chỉ đạo các cơ quan liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

2. Thường trực HĐND Thành phố, hai Ban của HĐND Thành phố, các Tổ Đại biểu HĐND Thành phố, đại biểu HĐND Thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố và các tổ chức thành viên trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân Thành phố khóa XII, Kỳ họp thứ Năm thông qua ngày 22/4/2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./. *UB*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- TTr HĐND Tỉnh (B/cáo);
- UBND Tỉnh (B/cáo);
- Các Sở, ban, ngành Tỉnh;
- TTr Thành ủy (B/cáo);
- TTr HĐND TP;
- Lãnh đạo UBND TP;
- TTr UBND TP;
- Các ban của HĐND TP;
- Các vị đại biểu HĐND TP;
- Các phòng, ban, đơn vị TP;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Lãnh đạo VP HĐND-UBND TP;
- Lưu: VT.

UB



CHỦ TỊCH

Trịnh Duy Thuân

**Biểu 1: TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH NGUỒN VỐN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025***(Kèm theo Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 22/4/2022 của HĐND Thành phố)*

* DVT: triệu đồng

		Trước điều chỉnh				Điều chỉnh		Sau điều chỉnh				Lý do điều chỉnh
		Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 của địa phương			Chuyển sang giai đoạn 2026-2030			Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn 2021-2025 của địa phương			Chuyển sang giai đoạn 2026-2030	
		Tổng số	Nguồn tính phân cấp	Nguồn sử dụng đất		Giảm	Tăng	Tổng số	Nguồn tính phân cấp	Nguồn sử dụng đất		
A	NGUỒN	6.795.226	271.840	5.551.686				6.795.226	271.840	5.551.686		
I	NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	5.823.526	271.840	5.551.686				5.823.526	271.840	5.551.686		
1	Vốn trong cân đối theo tiêu chí	271.840	271.840					271.840	271.840			
2	Tiền sử dụng đất	5.551.686	-	5.551.686				5.551.686	-	5.551.686		
	- Thu chuyển mục đích sử dụng đất (2021-2025)	1.658.000		1.658.000				1.658.000		1.658.000		
	- Thu tiền sử dụng đất các dự án phát triển quỹ đất	3.768.686		3.768.686				3.768.686		3.768.686		
	- Thu 10% tiền sử dụng đất từ nguồn thu của tỉnh (Theo NQ 128)	125.000		125.000				125.000		125.000		
II	NGÂN SÁCH TỈNH	349.000						349.000				
III	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	622.700						622.700				
B	PHÂN BỐ	6.795.226	271.840	5.551.686				6.795.226	271.840	5.551.686		
I	NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	5.823.526	271.840	5.551.686	240.774	-35.542	35.542	5.823.526	271.840	5.551.686	240.774	
1	Chi bồi thường, hỗ trợ tái định cư và các chi phí khác	704.528		704.528				704.528		704.528		
2	Chi đo đạc, đăng ký đất đai, lập CSDL hồ sơ địa chính và cấp giấy CNQSD đất (10%)	184.847		184.847				184.847		184.847		
3	Chi trích nộp Quỹ phát triển đất của tỉnh (30%)	374.608		374.608		-9.542		365.066		365.066		Giảm kinh phí trích nộp Quỹ phát triển đất của tỉnh
4	Tiền sử dụng đất xã đầu tư	250.000		250.000				250.000		250.000		
5	Vốn kế hoạch giai đoạn 2021-2025	5.014.071	271.840	4.742.231		-26.000	35.542	5.023.613	271.840	4.751.773		
	- Vốn dự phòng	153.090	27.184	125.906				153.090	27.184	125.906		
	- Vốn phân bổ các dự án	4.860.981	244.656	4.616.325	240.774	-26.000	35.542	4.870.523	244.656	4.625.867	240.774	Bổ sung, điều chỉnh kế hoạch vốn các dự án
B	NGÂN SÁCH TỈNH	349.000						349.000				
C	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	622.700						622.700				

LUB



Biểu 2.1. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2021-2025 ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 22/4/2022 của HĐND Thành phố)

DVT: triệu đồng

ĐVT: triệu đồng																		
Mã dự án	Stt	Tên dự án	Quy mô	Trước điều chỉnh					Điều chỉnh		Sau điều chỉnh					KH 2021-2025		
				Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương / Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư		KH 2021-2025	Đơn vị dự kiến thực hiện	tăng	giảm	Tên dự án	Quy mô	Nghị quyết chủ trương / Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTP								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTP	
						970	970	970		526					1.496	1.496	1.496	
144	1	Cải tạo, sửa chữa nhà dài làng Ôp, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku.	Công trình dân dụng cấp IV. Tháo dỡ nhà dài, thay một số trụ gỗ đã mục, tay vịn tường, sửa chữa toàn bộ cửa gỗ, làm mới cầu thang gỗ, hệ thống điện, chân trụ bằng đá bazan, sơn toàn bộ tường và cửa; các hạng mục phụ khác.	2022	184/NQ-HĐND ngày 13/08/2021	970	970	970	Phòng Văn hóa Thông tin	526		Xây dựng mới Nhà dài và cải tạo hạng mục phụ làng Ôp, phường Hoa Lư, thành phố Pleiku	Xây dựng mới nhà dài và sơn sửa nhà vệ sinh; sơn sửa lan can; xây ôp đá bazan bờ bồn hoa và lát đá bazan bậc cấp; sơn sửa tương gỗ dân gian và các hạng mục phụ khác	184/NQ-HĐND ngày 13/08/2021; 243/NQ-HĐND ngày 22/4/2022	1.496	1.496	1.496	

LB

[Handwritten signature]

**Biểu 2.2.: DANH MỤC CÁC DỰ ÁN VÀ NỘI DUNG CẮT GIẢM NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 22/4/2022 của HĐND Thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

Mã dự án	Stt	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương /Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ khi khởi công đến hết năm 2020	KII 2021-2025 cắt giảm	Đơn vị dự kiến thực hiện
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTP			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
		TỔNG CỘNG					26.000	26.000		- 26.000	
162	1	Dự án phục vụ chuyển đổi cây trồng, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao		Đầu tư đường giao thông nông thôn trong vùng sản xuất; Bán đồ thổ nhượng và phân tích mẫu đất; Đầu tư 2 nhà kho lạnh An Phú, Chư Ắ; Trạm điện và đường dây điện phục vụ sản xuất địa bàn An Phú, Chư Ắ; Truy xuất nguồn gốc và chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGap.	2022-2024	198/NQ-HĐND ngày 13/08/2021; 240/NQ-HĐND ngày 22/4/2022	26.000	26.000		- 26.000	Phòng Kinh tế Thành phố

UB



Biểu 2.3. DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ NGUỒN NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2021-2025 BỔ SUNG

(Kèm theo Nghị quyết số 244/NQ-HĐND ngày 22/4/2022 của HĐND Thành phố)

ĐVT: Triệu đồng

Mã dự án	Stt	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương /Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ khi khởi công đến hết năm 2020	KH 2021-2025 bổ sung	Đơn vị dự kiến thực hiện
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTP			
		TỔNG CỘNG		3 Dự án			1.114.784	21.315	-	35.016	
	A	Các dự án hoàn thành giai đoạn 2016-2020		1 Dự án			3.159	3.159	-	3.159	
224	1	Bồi thường, hỗ trợ vùng ảnh hưởng của dự án Kè chống sạt lở suối Hội Phú	TP Pleiku	Bổ trí hoàn ứng Ngân sách chi phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân thuộc dự án phê duyệt các năm: 2016, 2017, 2018, 2019		QĐ 1602/QĐ-UBND ngày 14/9/2016, QĐ 2101/QĐ-UBND ngày 21/12/2017, QĐ 1987/QĐ-UBND ngày 05/11/2018, QĐ 1709/QĐ-UBND ngày 21/8/2019.	3.159	3.159		3.159	Trung tâm phát triển quỹ đất Thành phố
	B	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025		2 Dự án			1.111.625	18.156	-	31.857	
	I	Vốn chuẩn bị đầu tư		1 Dự án			1.093.469	-	-	13.701	
223	1	Dự án Thoát nước thải và xử lý nước thải (giai đoạn I) thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	TP Pleiku	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư			1.093.469			13.701	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng
	II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập		1 Dự án			1.145	1.145	-	1.145	
225	1	Cải tạo Trụ sở UBND xã Chư HDRông (cũ) làm nơi làm việc Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thành phố Pleiku	TP Pleiku	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc 2 tầng, nhà làm việc Công an, nhà làm việc Ban Chỉ huy Quân sự, nhà làm việc cấp 4 và các hạng mục phụ khác	2022-2023	239/NQ-HĐND ngày 22/4/2022	1.145	1.145		1.145	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp
	III	Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật		2 Dự án			17.011	17.011	-	17.011	

alb

Mã dự án	Stt	Tên dự án	Địa điểm	Quy mô	Thời gian KC-HT	Nghị quyết chủ trương / Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư		Lũy kế vốn đã bố trí từ khi khởi công đến hết năm 2020	KH 2021-2025 bổ sung	Đơn vị dự kiến thực hiện
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTP			
226	1	Dự án Đầu tư hạ tầng phục vụ chuyển đổi cây trồng phát triển nông nghiệp ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao tại cánh đồng Ia Chanh, làng Bông Phun, xã Chư Á năm 2022-2023	Xã Chư Á	Hạng mục hạ tầng điện sản xuất phục vụ chuyển đổi cây trồng phát triển nông nghiệp ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao: Xây dựng hệ thống đường dây trung áp khoảng 0,9km; xây dựng 01 trạm biến áp 250KVA; xây dựng hệ thống đường dây hạ áp khoảng 1,8 km. Hạng mục hạ tầng giao thông: Đường nội đồng bê tông xi măng M250, dày 16cm; Bm=3,5m; Bn=5,5m; L khoảng 1.850m	2022-2023	241/NQ-HĐND ngày 22/4/2022	5.581	5.581		5.581	UBND xã Chư Á
227	2	Dự án Đầu tư hạ tầng phục vụ chuyển đổi cây trồng phát triển nông nghiệp ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao tại khu vực Nam Quốc lộ 19, xã An Phú năm 2022-2024	Xã An Phú	Hạng mục hạ tầng điện sản xuất phục vụ chuyển đổi cây trồng phát triển nông nghiệp ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao: Xây dựng hệ thống đường dây trung áp dài khoảng 0,9km; Xây dựng 02 trạm biến áp 250KVA; Xây dựng hệ thống đường dây hạ áp khoảng 4,13km; Hạng mục hạ tầng thủy lợi, nông nghiệp: Xây dựng hệ thống mương tiêu nước chiều dài khoảng 1.650m; Hạng mục hạ tầng giao thông: Xây dựng bãi tập kết rau 3.800m ² ; Đường nội đồng bê tông xi măng M250, dày 16 cm; Bm=3,5m; Bn=5,5m; L khoảng 2.000m; Các hạng mục phục khác.	2022-2024	242/NQ-HĐND ngày 22/4/2022	11.430	11.430		11.430	UBND xã An Phú

ALB

24